

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST
Ngày 06 - 7 - 2020.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Bạ;

Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982; nơi cư trú: 47/3 Khu phố 2, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Quang T2, sinh năm 1986; nơi cư trú: 187/16 khu phố Bình P, phường B, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn T2, sinh năm 1968; nơi cư trú: 8/3 Khu phố 2, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, là Luật sư Công ty Luật TNHH một thành viên L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lý Trường G, nơi cư trú: 56/3 Khu phố 2, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2019, các lời khai trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Hoàng T cho ông Hồ Văn T1 vay tiền 02 lần, cụ thể: Lần thứ nhất, ông T cho ông T1 vay số tiền 110.000.000 đồng vào ngày 23 tháng 5 năm 2019, thời hạn vay đến ngày 23 tháng 6 năm 2019; lần thứ hai ông T cho ông T1 vay số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 30 tháng 5 năm 2019, thời hạn vay đến ngày 30 tháng 7 năm 2019. Hết thời hạn vay, ông T1 không trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 phải trả nợ gốc cho ông T theo hai giấy vay tiền trên là 510.000.000 đồng. Về tiền lãi: Ông T yêu cầu ông T1 trả tiền lãi theo lãi suất quá hạn 2%/tháng, cụ thể: Đối với giấy mượn tiền ngày 30/5/2019, thời hạn tính lãi từ ngày 31/7/2019 đến ngày 31/12/2019 với thời hạn là 5 tháng, thành tiền là: $400.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 40.000.000 \text{ đồng}$; đối với giấy mượn tiền ngày 23/5/2019, thời hạn tính lãi tính từ ngày 24/6/2019 đến ngày 24/12/2019 là 6 tháng với số tiền là: $110.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 13.200.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Giấy mượn tiền 400.000.000 đồng vào ngày 30 tháng 5 năm 2019, thực tế thì ông T giao tiền cho ông T1 trước đó mấy ngày nhưng không làm giấy và liên lạc cho ông T1 thì ông T1 không nghe điện thoại nên ngày 30 tháng 5 năm 2019 ông T mới tìm được ông T1 và ghi giấy mượn tiền. Ông T yêu cầu ông T1 phải trả tiền lãi tính đến ngày 06 tháng 7 năm 2020 số tiền là 97.071.000 đồng.

Tổng cộng ông T1 phải trả cho ông T cả nợ gốc và lãi là 607.071.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy mượn tiền ngày 30/5/2019, Giấy mượn tiền ngày 23/5/2019, Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2019 và các tài liệu khác có liên quan.

- *Bị đơn ông Hồ Văn T1 trình bày:* Ông T1 vay tiền của ông T 04 lần với tổng số tiền 140.000.000 đồng. Cụ thể: Lần 01 vay 20.000.000 đồng; lần 02 vay 20.000.000 đồng; lần 03 vay 30.000.000 đồng; lần 04 vay 70.000.000 đồng. Tiền lãi cứ tính 10.000.000 đồng thì tiền lãi góp hàng ngày là 300.000 đồng nhưng không làm giấy trả lãi.

Mỗi lần vay đều làm giấy nhưng ông T1 không giữ giấy nào, tất cả các giấy mượn tiền đều do ông T giữ. Số tiền vay này là ông T1 vay cho Lý Trường G và đã đưa cho G nhiều lần với số tiền 90.000.000 đồng, để được G cho tiền lời. Hoàn toàn không có việc ông T1 vay 510.000.000 đồng như ông T trình bày. Tuy nhiên, sau khi vay, do số tiền lãi phải trả quá cao, ông T1 không tiếp tục trả nổi thì ông T đã kêu ông T1 vào nghĩa trang An Phú và ép ông T1 phải ký giấy mượn tiền ngày 30/5/2019 với số tiền 400.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, tiền lãi là 260.000.000 đồng, nếu ông T1 không ký thì sẽ bị ông T và đàn em đánh chết. Còn giấy mượn tiền ngày 23/5/2019 thì ông T1 hoàn toàn không biết gì về số tiền 110.00.000 đồng và giấy mượn tiền này. Bản thân ông T1 không biết chữ nên bị ông T lừa ký giấy nợ lúc nào không biết.

Ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, chỉ đồng ý trả số nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 110.000.000 đồng. Số tiền ông T1 đã đưa cho ông G, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tài liệu chứng cứ mà bị đơn cung cấp gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các tài liệu có liên quan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Trường G trình bày:* Ông G không nhờ ông T1 vay tiền giùm từ ông T. Thực tế, ông G có vay của ông Hồ Văn T1 nhiều lần với tổng số tiền 90.000.000 đồng, nhưng đến nay cả nợ gốc và tiền lãi là 252.000.000 đồng. Ông G có nghe ông T1 nói ông T1 vay của ông T để cho ông G vay lại. Số tiền vay giữa ông T1 và ông G hiện nay không tranh chấp, ông G tự thương lượng trả cho ông T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay giữa ông G và ông T1 trong vụ án này. Ông G không chứng kiến việc ông T giao tiền cho ông T1.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Nguyễn Hữu H trình bày:* Thống nhất với toàn bộ trình bày và ý kiến của bị đơn. Ông T1 có ký giấy mượn số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 30 tháng 5 năm 2019, nhưng thực tế chưa nhận tiền và trong giấy mượn tiền cũng không thể hiện ông T đã giao tiền cho ông T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của ông T.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc 510.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; bị đơn cư trú tại phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Trường G thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay giữa ông G và ông T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu tranh chấp thì giải quyết ở vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T khởi kiện bị đơn ông Hồ Văn T1 yêu cầu ông T1 trả tiền vay số tiền 110.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 23 tháng 5 năm 2019 và số tiền 400.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 30 tháng 5 năm 2019 và tiền lãi phát sinh.

Bị đơn ông Hồ Văn T1 thừa nhận có ký vào Giấy mượn tiền ngày 30 tháng 5 năm 2019 nhưng thực tế không nhận như ông T trình bày. Riêng Giấy mượn tiền ngày 23 tháng 5 năm 2019 thì ông T hoàn toàn không ký và không biết giấy mượn tiền này.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của ông Hồ Văn T1 tại Giấy mượn tiền ngày 23 tháng 5 năm 2019. Tại Bản kết luận giám định số 80/GĐ-PC09 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên và hai (02) dấu vân tay màu đỏ mang tên “Hồ Văn T1” dưới mục “Người làm giấy mượn tiền (Ký, ghi rõ họ tên)” trên 01 (một) “Giấy mượn tiền” đề ngày 23/5/2019 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay

ngón trỏ phải, trỏ trái của ông Hồ Văn T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký, viết và in ra.

Như vậy có căn cứ xác định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tại phần người làm giấy mượn tiền trong Giấy mượn tiền ngày 23 tháng 5 năm 2019 là chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của ông Hồ Văn T1.

Tuy nhiên, cả hai Giấy mượn tiền ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Giấy mượn tiền ngày 30 tháng 5 năm 2019 do nguyên đơn cung cấp không thể hiện ông Hồ Văn T1 đã nhận số tiền như nguyên đơn trình bày. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn không thừa nhận đã nhận số tiền gốc 510.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày mà thừa nhận chỉ nhận 140.000.000 đồng. Tòa án đã triệu tập trực tiếp ông Nguyễn Hoàng T đến Tòa án để tham gia phiên đối chất, cung cấp địa chỉ người làm chứng ký tên trong giấy mượn tiền là Đặng Văn Tổng để làm rõ nội dung các giấy mượn tiền nhưng ông T không đến Tòa án là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của mình, do đó Tòa án không có căn cứ xác định ông T đã giao cho ông T1 510.000.000 đồng nợ gốc theo các giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp mà chỉ có căn cứ xác định trên cơ sở sự thừa nhận của bị đơn về số tiền đã nhận là 140.000.000 đồng.

Về tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc với mức lãi suất 2%/tháng, với tổng số tiền lãi phát sinh 97.071.000 đồng. Xét thấy, theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đối với giấy mượn tiền ngày 30 tháng 5 năm 2019 thì thời hạn tính lãi tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 đến ngày 01 tháng 11 năm 2019; đối với giấy mượn tiền ngày 23 tháng 5 năm 2019 thì thời hạn tính lãi từ ngày 24 tháng 6 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019. Do đó, phần yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả lãi cho nguyên đơn 110.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bị đơn, sự tự nguyện này cao hơn yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản bị đơn ông Hồ Văn T1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 468, 470 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản với ông Hồ Văn T1.

Ông Hồ Văn T1 phải trả cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và 110.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T về việc yêu cầu ông Hồ Văn T1 phải trả tiền nợ gốc 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Về chi phí giám định: Ông Hồ Văn T1 phải chịu 3.160.000 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) chi phí giám định được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

3. Về án phí:

Ông Hồ Văn T1 phải chịu 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 12.850.000 đồng (mười hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0036535 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An). Ông T còn phải nộp thêm 5.650.000 đồng (năm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng)

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ